TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HS-ST
Ngày: 28/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,
TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Phường**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đào Văn Hiến** và ông **Lê Hoàng Thọ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông **Lương Ngọc Tiến** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 31/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2022, đối với các bị cáo:

1/ **Huỳnh Thanh H** (Tên thường gọi: T), sinh năm: 1983 tại Đồng Tháp; Đăng ký HKTT: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 04/12; Cha tên: Huỳnh Văn H, sinh năm 1956; Mẹ tên: Lê Thị G, sinh năm: 1960 (Chết); Vợ: Bùi Thị Ngọc D, sinh năm 1990; Con: Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2006 và con nhỏ sinh năm 2013; Tiền sự và tiền án: Không; Tạm giữ: Ngày 08/01/2022; Tạm giam: Ngày 11/01/2022; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Tháp Mười (có mặt).

2/ **Bùi Thị Ngọc D**, sinh năm: 1990 tại Đồng Tháp; Đăng ký HKTT: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Cha tên: Bùi Văn H, sinh năm 1968; Mẹ tên: Võ Thị C, sinh năm: 1970; Chồng: Huỳnh Thanh H, sinh năm 1983; Con: Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2006 và con nhỏ sinh năm 2013; Tiền sự và tiền án: Không; Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Bị hại:* **Đặng Huy P**, sinh năm 1973 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số 1750, khu vực 1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Người làm chứng:*

1/ **Đặng Hồng T**, sinh năm 1978 (có mặt);
2/ **Võ Văn Ph**, sinh năm 1970 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1980 (vắng mặt);
Địa chỉ: Xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

4/ **Hồ Minh A**, sinh năm 1974 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5/ **Đỗ Chí K**, sinh năm 1993 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6/ **Võ Thị C,** sinh năm 1970 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7/ **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1981 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo H và D là vợ chồng, bị cáo H làm nghề môi giới cho thương lái mua lúa của người dân (cò lúa) tại địa bàn xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Vào ngày 20/7/20219, bị cáo H gọi điện thoại cho bị hại là anh P giới thiệu tên là Linh (cò lúa) nói có ruộng lúa tại ấp Mỹ Tây 1, xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp cần bán thì anh P đồng ý đến mua, nhưng thực chất thời điểm này bản thân bị cáo H không có ruộng lúa để bán. Bị cáo H kêu bị cáo D giả làm chủ ruộng đứng ra bán lúa cho mình và cho các chủ ruộng khác nhằm mục đích chiếm đoạt tiền đặt cọc mua lúa của anh P thì bị cáo D đồng ý thực hiện. Ngày 24/7/2019, anh P cùng anh Tuấn đi từ thành phố Cần Thơ đến điểm hẹn là khu vực ruộng lúa thuộc ấp Mỹ Tây 1, xã Mỹ Quí. Khi anh P đến xem ruộng lúa, bị cáo D thực hiện theo như đã bàn bạc trước với bị cáo H. Bị cáo D nói mình là chủ 65 công lúa cần bán và đứng ra bán cho ông Phục 35 công, ông Tiến 20 công, tổng cộng 120 công, anh P xem lúa và đồng ý mua với giá là 5.100 đồng/kg lúa tươi. Lúc này, bị cáo H chỉ tay về phía ruộng lúa gần đó và giới thiệu với anh P phần đất 40 công lúa Đài Thơm 8 là của bị cáo H và 30 công khác là bị cáo H thuê, bị cáo H bán tổng cộng 70 công thì anh P cũng đồng ý mua với giá là 5.200 đồng/kg lúa tươi. Sau khi thống nhất việc mua bán lúa, các bị cáo và anh P đến nhà bà Bùi Thị C Em tại ấp Mỹ Phước 2, xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp để ký hợp đồng. Anh P ký hợp đồng mua bán lúa với bị cáo D theo thỏa thuận như trên, đặt cọc mua lúa số tiền 36.000.000 đồng, bị cáo D trực tiếp nhận số tiền này, anh P hẹn nhận lúa từ ngày 10/8/2019 đến ngày 12/8/2019 (âm lịch). Khi ký hợp đồng với bị cáo D xong, do đã hết giấy hợp đồng mẫu nên anh P ghi phần giao nhận tiền cọc mua lúa của bị cáo H theo thỏa thuận như trên vào mặt sau của hợp đồng vừa mới lập với bị cáo D. Số tiền anh P đặt cọc để mua lúa của bị cáo H là 21.000.000 đồng, bị cáo H là người trực tiếp nhận tiền. Lúc anh P và bị cáo H ký hợp đồng nhận cọc

21.000.000 đồng thì bị cáo D có mặt nhưng không có lời nói hoặc hành động gì khác để giúp sức cho bị cáo H.

Với thủ đoạn như trên ngày 27/7/2019, bị cáo H gọi điện thoại cho anh P nói đã ký hợp đồng mua lúa tươi Đài Thơm 8 với ông Nguyễn Văn Bình ở ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Hòa, huyện Tháp Mười 36 công giá 5.200 đồng/kg, hỏi anh P có mua không thì anh P đồng ý. Đến ngày 29/7/2019, bị cáo H lấy hợp đồng mua bán lúa tươi giả chữ ký ông Bình là bên bán lúa, còn bị cáo H ký bên mua. Bị cáo H điều khiển xe mô tô chở bạn là anh K đến thành phố Cần Thơ gặp anh P ghi tờ nhận tiền cọc 10.000.000 đồng vào mặt sau hợp đồng, nhận tiền xong bị cáo H chở anh K ra về. Khi gần đến ngày cắt lúa theo hợp đồng, anh P liên lạc với bị cáo H nhưng không được, biết bị các bị cáo lừa đảo nên anh P đến Công an huyện Tháp Mười tố giác. Quá trình điều tra các bị cáo thừa nhận hành vi lừa đảo đối với anh P như đã nên trên. Các bị cáo cho rằng việc lừa đảo này là do anh Nguyễn Hoàng Thanh hướng dẫn, xúi dục, cung cấp thông tin của anh P. Sau khi ký hợp đồng với anh P và nhận tiền thì các bị cáo Ki đưa hết cho anh Thanh, anh Thanh có cho lại bị cáo D số tiền 2.700.000 đồng nhưng anh Thanh không thừa nhận. Kết quả điều tra không có căn cứ chứng minh anh Thanh đồng phạm với các bị cáo trong vụ án này. Như vậy, kết quả điều tra chứng minh được bị cáo H đã ba lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh P với tổng số tiền chiếm đoạt là 67.000.000 đồng. Trong đó, lần thứ nhất chiếm đoạt 36.000.000 đồng đồng phạm với bị cáo D.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tháp Mười đã tạm giữ 01 hợp đồng mua bán lúa tươi liên hợp nhật ngày 24/7/2019 giữa các bị cáo và anh P, mặt sau ghi bổ sung nhận tiền cọc lúa Đài Thơm 8 thêm có chữ ký của Đặng Huy P, Huỳnh Thanh H; 01 hợp đồng mua bán lúa nếp tươi các loại ngày 29/7/2019 giữa bị cáo H và Nguyễn Văn Bình mặt sau ghi tờ nhận tiền cọc có chữ ký của Đặng Huy P, Huỳnh Thanh H và 01 USB màu đen trắng không rõ hiệu. Tất cả đồ vật, tài liệu trên do anh P giao nộp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh P đã nhận của bà Võ Thị C là mẹ ruột bị cáo D số tiền 36.000.000 đồng và nhận của chị Huỳnh Ngọc T chị ruột của bị cáo H số tiền 31.000.000 đồng và không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSTM ngày 06/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đã truy tố bị cáo Huỳnh Thanh H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự và bị cáo Bùi Thị Ngọc D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 174 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thanh H và Bùi Thị Ngọc D cùng phạm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 2 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh

H với mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Ngọc D với mức án từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng và về trách nhiệm dân sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

Ý kiến của anh Đặng Huy P: Tại đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 15/6/2022 thì anh P trình bày là giữa anh và các bị cáo đã thống nhất việc bồi thường khắc phục hậu quả cho anh và anh đã nhận đủ số tiền bị thiệt hại. Do đó, anh không có yêu cầu gì thêm trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc không thể tham gia phiên tòa nên anh xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án xét xử vụ án này. Anh cam đoan những gì anh khai tại Cơ quan điều tra là đúng sự thật. Ngoài ra, anh không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác,

Ý kiến của anh Đặng Hồng T: Anh không có bà con gì với các bị cáo, đối với vụ án này anh cũng không biết gì. Anh xác nhận tại khu vực đó anh có phần đất ruộng hơn 20 công và từ đó cho đến nay anh không có nhờ các bị cáo bán dùm lúa tươi cho anh lần nào. Vào năm 2019, anh bán lúa cho cò tên Vinh là người khác không phải bị cáo H. Đối với vụ án này anh không có yêu cầu gì. Ngoài ra, anh không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

Ý kiến của anh Võ Văn Ph: Anh không có bà con gì với các bị cáo, đối với vụ án này anh cũng không biết gì. Anh xác nhận tại khu vực đó anh có phần đất ruộng hơn 30 công và từ đó cho đến nay anh không có nhờ các bị cáo bán dùm lúa tươi cho anh lần nào. Vào năm 2019, anh bán lúa cho cò tên Vinh là người khác không phải bị cáo H. Đối với vụ án này anh không có yêu cầu gì. Ngoài ra, anh không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

Ý kiến của anh Hồ Minh A: Anh là anh rễ của bị cáo H, vào ngày 24/7/2019 do cải nhau với vợ nên anh chạy xe qua nhà của vợ chồng các bị cáo chơi và ở lại đến chiều thì ra về. Trong thời gian ở nhà vợ chồng các bị cáo thì thấy bị cáo H chạy đi công việc, còn bị cáo D ở nhà, một lúc sau bị cáo D nhờ anh lấy xe chở đi công việc nhưng không nói việc gì. Sau đó, anh có chở bị cáo đến khu đất ruộng thì gặp bị cáo H và vài người nữa những người này bàn bạc với nhau anh nghe là chuyện mua bán lúa gì đó nhưng anh không nghe cụ thể vì anh đứng ở xa. Sau đó, anh chở bị cáo D về nhà người quen gì đó của vợ chồng các bị cáo uống nước rồi anh chở bị cáo D về nhà lại. Anh xác định là anh không biết việc các bị cáo lừa đảo bị hại và các bị cáo cũng không có nói việc này cho anh biết. Đồng thời, anh cũng không có nhận tiền gì từ các bị cáo. Đối với vụ án này anh không có yêu cầu gì. Ngoài ra, anh không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

Ý kiến của chị Võ Thị C: Chị là mẹ ruột của bị cáo D và là mẹ vợ của bị cáo H. Hiện vợ chồng bị cáo D chưa ly hôn nhưng đã sống ly thân với nhau vài năm, bị cáo D và hai con hiện đang sống chung với chị. Chị hiện đang bị bệnh hoại tử nên đi đứng rất khó khăn, không làm gì ra tiền nên mọi việc trong gia đình do bị cáo D lo. Đồng thời, đứa con nhỏ của bị cáo D hiện cũng bị bệnh về tim nên hoàn cảnh gia đình chị rất khó khăn. Đối với vụ án chị không biết gì, các bị cáo không có nói gì cho chị biết. Sau khi Công an mời làm việc thì bị cáo D có điện thoại về nói vợ chồng con được người tên Thanh chỉ dẫn lừa đảo tiền cọc lúa của anh P nên chị mới biết. Sau đó, chị đã đi vay mượn tiền của người thân để trả cho anh P số tiền 36.000.000 đồng, đây là số tiền của chị và chị không có yêu cầu bị cáo D trả lại cho chị. Đối với vụ án này chị không có yêu cầu gì chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

Ý kiến của chị Huỳnh Ngọc T: Chị là chị ruột của bị cáo H và là chị chồng của bị cáo D. Đối với vụ án chị không biết gì, các bị cáo không có nói gì cho chị biết. Sau khi Công an mời làm việc thì bị cáo H có điện thoại về nói vợ chồng các bị cáo được người tên Thanh chỉ dẫn lừa đảo tiền cọc lúa của anh P nên chị mới biết. Sau đó, chị đã trả cho anh P số tiền 31.000.000 đồng, đây là số tiền của chị và chị không có yêu cầu bị cáo H trả lại cho chị. Đối với vụ án này chị không có yêu cầu gì chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

Đối với anh T và anh K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T và anh K vắng mặt không có lý do chính đáng. Đồng thời, anh T và anh K cũng không có gửi cho Tòa án văn bản ý kiến gì nên tại giai đoạn xét xử sơ thẩm không ghi nhận ý kiến của những người này.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo danh sách yêu cầu triệu tập người tham gia tố tụng đến phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười thì không có tên chị C và chị T. Tuy nhiên, chị C và chị T là những người đã bỏ tiền ra bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại thay cho các bị cáo nên Tòa án triệu tập chị C và chị T đến

tham gia phiên tòa sơ thẩm. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm chị C và chị Trình đều trình bày không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền trên và không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị C và chị T tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người làm chứng.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng số 29/CT-VKSTM ngày 06/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là đúng với hành vi của các bị cáo. Bản thân các bị cáo không có đất ruộng, không có thuê đất để trồng lúa và cũng không có mua lúa tươi của nông dân để bán lại cho thương lái tại khu vực xã Mỹ Quí. Bị cáo H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền đặt cọc của thương lái mua lúa nên mới rủ bị cáo D giả làm chủ ruộng và bị cáo D đồng ý. Trong các ngày 24/7/2019 và ngày 29/7/2019, các bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của bị hại rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại. Các bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản bị hại, cụ thể: Lần thứ nhất: Ngày 24/7/2019, bị cáo H dẫn bị hại đến xem ruộng lúa thì bị cáo D giả làm chủ ruộng chỉ ruộng lúa cho bị hại và đứng ra thỏa thuận bán cho bị hại 65 công lúa, bán thay cho anh Ph 35 công lúa và anh Tiến 20 công lúa, tổng cộng là 120 công lúa. Hai bên có làm hợp đồng bằng giấy tay, bị cáo D đã nhận tiền đặt cọc của bị hại là 36.000.000 đồng. Đối với bị cáo H đứng ra thỏa thuận bán cho bị hại 70 công lúa. Hai bên có làm hợp đồng bằng giấy tay, bị cáo H đã nhận tiền đặt cọc của bị hại là 21.000.000 đồng; Lần thứ hai: Ngày 29/7/2019, bị cáo H lấy hợp đồng mua bán lúa tươi giả chữ ký ông Nguyễn Văn Bình là bên bán lúa, bị cáo H ký bên mua lúa. Bị cáo H đứng ra thỏa thuận bán thêm cho bị hại 36 công lúa. Hai bên có làm hợp đồng bằng giấy tay, bị cáo H đã nhận tiền đặt cọc của bị hại là 10.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo H đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại 03 lần với tổng số tiền là 67.000.000 đồng, trong đó có 01 lần cùng thực hiện với bị cáo D để chiếm đoạt số tiền 36.000.000 đồng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức hành vi của mình và có sức khỏe để lao động. Bị cáo biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản tính tham lam, lười biếng lao động muốn có tiền tiêu xài mà không cần pH tốn mồ hôi và công sức lao động như bao nhiêu người lao động lương thiện khác trong xã hội, thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên các bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Trong vụ án này, các bị cáo đã thực hiện hoàn thành tội phạm. Bị cáo D cùng với bị cáo H đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 36.000.000 đồng, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Bị cáo H đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 67.000.000 đồng, thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[5] Lời Ki nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời Ki của bị hại, vật chứng, kết luận giám định, cùng với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[6] Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo H đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự và hành vi phạm tội của bị cáo D đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[7] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của bị hại một cách trái pháp luật, gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đưa vụ án ra xét xử hôm nay là cần thiết, cần áp dụng hình phạt phù hợp với hành vi của các bị cáo để nhằm mục đích răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, xét về nhân thân, hành vi, động cơ, tính chất, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của từng bị cáo có khác nhau nên cũng cần xem xét đối với từng bị cáo. Đối với bị cáo H, xét cần áp dụng cho bị cáo H một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo H và cần cách ly bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo H có thời gian học tập, cải tạo, trở thành người tốt, có ích cho gia đình và cho xã hội sau này, đồng thời đấu tranh phòng ngừa chung. Đối với bị cáo D, xét bị cáo D có nhân thân tốt từ trước đến nay chưa có tiền sự và tiền án gì; Bị cáo D có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Bị cáo D có nơi cư trú rõ ràng hiện đang sinh sống cùng với mẹ ruột và 02 con tại ấp Mỹ Phước 2, xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; Trong vụ án này bị cáo D đóng vai trò là đồng phạm giúp sức cho bị cáo H và hiện nay bị cáo D đang một mình nuôi con hai con nhỏ và người mẹ đang bị bệnh đi đứng khó khăn. Đồng thời, xét thấy bị cáo D có khả năng tự cải tạo nên không cần pH bắt chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo D hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Ngoài ra, nhằm thể hiện bản chất nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa nên cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo D là phù hợp.

Trong vụ án này, các bị cáo đã cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, không có sự phân công, bàn bạc, sắp đặt vai trò cụ thể cho nhau và cũng không chịu sự điều khiển của người nào nên đây được xem là dạng đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, xét về nhân thân, hành vi, động cơ, tính chất, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của từng bị cáo có khác nhau cho nên cần xem xét đối với từng bị cáo. Đối với bị cáo H là người nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền đặt cọc mua lúa của bị hại nên đã chủ động rủ bị cáo D giả làm chủ ruộng lúa để thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này và bị cáo H cũng trực tiếp thỏa thuận và nhận tiền đặt cọc từ phía bị hại nên bị cáo H pH chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Đối với bị cáo D mặc dù đã thành niên nhưng thiếu ý thức chấp hành pháp luật, khi nghe bị cáo H rủ thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên thì bị cáo D đồng ý ngay và cũng tham gia trực tiếp thỏa thuận và nhận tiền đặt cọc từ phía bị hại cho nên bị cáo D pH chịu trách nhiệm là đồng phạm với vai trò người giúp sức trong vụ án.

[8] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Đối với bị cáo H đã thực hiện hành vi phạm tội tổng cộng 03 lần. Do đó, ngoài việc chịu trách nhiệm hình sự về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", bị cáo H còn pH chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng là "Phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Đối với bị cáo H trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo H đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đồng thời, bị cáo H đã tác động đến gia đình để bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại xong. Ngoài ra, bị hại có đơn yêu cầu không xử lý hình sự đối với các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo D trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo D đã thành khẩn Ki báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo D đã tác động đến gia đình để bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại xong. Đồng thời, bị cáo D có ông ngoại tên Võ Ngọc Th là thương binh 4/4. Ngoài ra, bị hại có đơn yêu cầu không xử lý hình sự đối với các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[10] *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy, các bị cáo không có việc làm ổn định, có hoàn cảnh khó khăn và về kinh tế phụ thuộc vào gia đình nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] *Về trách nhiệm dân sự*: Trong quá trình điều tra, giữa bị hại và gia đình các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong và tính đến nay bị hại cũng không còn yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[12] *Về xử lý vật chứng:* Đối với 01 hợp đồng mua bán lúa tươi liên hợp nhật ngày 24/7/2019 giữa các bị cáo Huỳnh Thanh H, Bùi Thị Ngọc D và bị hại anh Đặng Huy P, mặt sau ghi bổ sung nhận tiền cọc lúa Đài Thơm 8 thêm có chữ ký của anh Đặng Huy P, bị cáo Huỳnh Thanh H; 01 hợp đồng mua bán lúa nếp tươi các loại ngày 29/7/2019 giữa bị cáo H và ông Nguyễn Văn Bình mặt sau ghi tờ nhận tiền cọc có chữ ký của anh Đặng Huy P, bị cáo Huỳnh Thanh H; 01 USB màu đen trắng không rõ hiệu là vật chứng trong vụ án nên cần tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

[13] *Về án phí:* Các bị cáo pH chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[14] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ và phù hợp 01 phần nên chấp nhận 01 phần. Đối với phần đề nghị xử phạt bị cáo D với mức án từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù. Như phân tích ở phần trên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo D được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này.

[15] Các bị cáo trình bày là làm theo hướng dẫn của anh Nguyễn Hoàng Th. Sau khi nhận được tiền đặt cọc từ bị hại thì đã đưa hết số tiền trên cho anh Th và nhận lại được từ anh Th số tiền là 2.700.000 đồng. Các bị cáo xác định đây chỉ là trình bày của mình, các bị cáo không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày trên của mình. Đối với anh Th thì không thừa nhận việc này. Xét thấy, tính đến thời điểm hiện nay chưa có chứng cứ nào chứng minh có hành vi đồng phạm của anh Th với các bị cáo trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết, khi nào có đủ căn cứ pháp lý sẽ xử lý sau bằng vụ án khác.

[16] Đối với anh A là người chở bị cáo D đi đến ruộng lúa để gặp bị hại và anh K là người đi cùng bị cáo H qua thành phố Cần Thơ để gặp bị hại. Xét thấy, tính đến thời điểm hiện nay không có chứng cứ nào chứng minh có hành vi đồng phạm với các bị cáo trong vụ án này. Do đó, không có cơ sở xử lý những người này nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thanh H và Bùi Thị Ngọc D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 17; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 2 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh H 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 08/01/2022.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Ngọc D 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án (28/6/2022). Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó pH chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

4/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 01 hợp đồng mua bán lúa tươi liên hợp nhật ngày 24/7/2019 giữa các bị cáo Huỳnh Thanh H, Bùi Thị Ngọc D và bị hại anh Đặng Huy P, mặt sau ghi bổ sung nhận tiền cọc lúa Đài Thơm 8 thêm có chữ ký của anh Đặng Huy P, bị cáo Huỳnh Thanh H; 01 hợp đồng mua bán lúa nếp tươi các loại ngày 29/7/2019 giữa bị cáo H và ông Nguyễn Văn Bình mặt sau ghi tờ nhận tiền cọc có chữ ký của anh Đặng Huy P, bị cáo Huỳnh Thanh H; 01 USB màu đen trắng không rõ hiệu.

5/ Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo H và D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6/ Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

7/ Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh, Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã Mỹ Quí;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (Ngọc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phường

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Đào Văn Hiến - Lê Hoàng Thọ	**Nguyễn Minh Phường**